

Số: 1937../2020/EIB-KTTC  
V/v công bố thông tin giải trình số  
liệu lợi nhuận sau thuế đã kiểm toán  
năm 2019 thay đổi so với năm 2018

HCM..., ngày 30 tháng 03 năm 2020

## CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán TP HCM

Công ty: Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Mã chứng khoán: EIB

Trụ sở chính: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn và  
45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

Điện thoại: (84.28) 38210056

Fax: 028.3914.24.57

Người thực hiện công bố thông tin: **Trần Tấn Lộc** – Phó Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn và 45A  
Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

Điện thoại: (84.28)38210056

Fax: 028.3914.24.57

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Giải trình số liệu lợi nhuận sau thuế đã kiểm toán năm 2019  
thay đổi so với năm 2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào  
ngày 30../03/2020 tại đường dẫn <http://www.eximbank.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách  
nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu. KTTC.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
  
**TRẦN TẤN LỘC**

HCM..., ngày 30 tháng 03 năm 2020

Số: 1938.../2020/EIB-KTTC

V/v giải trình biến động số liệu lợi nhuận sau thuế năm 2019 đã kiểm toán so với năm 2018

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP HCM

- Căn cứ Khoản 4 Điều 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán của Ngân hàng đã được công bố thông tin ngày 30.../03/2020;

Eximbank giải trình số liệu báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán như sau:

**1. Đối với báo cáo tài chính Riêng Ngân hàng****1.1. Các chỉ tiêu chính trên Bảng cân đối kế toán**

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2019 là 167.759.787 triệu đồng, tăng 14.229.558 triệu đồng (tỷ lệ tăng 9,27%) so với thời điểm 31/12/2018.
- Tổng số dư tiền gửi khách hàng tại thời điểm 31/12/2019 là 139.461.294 triệu đồng, tăng 20.034.778 triệu đồng (tỷ lệ tăng 16,78%) so với thời điểm 31/12/2018.
- Tổng dư nợ cho vay tại thời điểm 31/12/2019 là 113.254.792 triệu đồng, tăng 9.212.215 triệu đồng (tỷ lệ tăng 8,85%) so với thời điểm 31/12/2018.
- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31/12/2019 là 1,71%, giảm 0,14% so với thời điểm 31/12/2018.

**1.2. Lợi nhuận sau thuế năm 2019 của Ngân hàng là 852.920 triệu đồng, tăng 214.027 triệu đồng (tỷ lệ tăng 33,50%) so với năm 2018. Lợi nhuận trước thuế năm 2019 của Ngân hàng là 1.078.970 triệu đồng, tăng 278.006 triệu đồng (tỷ lệ tăng 34,71%). Trong đó, các khoản thu nhập trong năm đều tăng trưởng tốt, cụ thể:**



DVT: triệu đồng

| Chỉ tiêu                                                             | Năm 2019  | Năm 2018  | Tăng (+)/ Giảm (-) |         |
|----------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|--------------------|---------|
|                                                                      |           |           | Triệu đồng         | %       |
| Thu nhập lãi thuần                                                   | 3.192.802 | 3.183.116 | 9.686              | 0,30    |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ                                       | 374.014   | 335.801   | 38.213             | 11,38   |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối                          | 364.541   | 269.073   | 95.468             | 35,48   |
| Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư và Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần | 232.225   | 399.555   | (167.330)          | (41,88) |
| Lãi thuần từ hoạt động khác                                          | 282.803   | 223.860   | 58.943             | 26,33   |
| Chi phí hoạt động                                                    | 2.677.124 | 2.886.895 | (209.771)          | (7,27)  |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng                                     | 690.291   | 723.546   | (33.255)           | (4,60)  |
| Tổng lợi nhuận trước thuế                                            | 1.078.970 | 800.964   | 278.006            | 34,71   |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN                                              | 852.920   | 638.893   | 214.027            | 33,50   |

+ Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng 38.213 triệu đồng (tỷ lệ tăng 11,38%) so với năm 2018.

+ Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối tăng 95.468 triệu đồng (tỷ lệ tăng 35,48%) so với năm 2018.

+ Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư và Thu nhập góp vốn mua cổ phần giảm 167.330 triệu đồng (tỷ lệ giảm 41,88%) so với năm 2018 do trong năm 2018, Eximbank đã bán hết số cổ phiếu đầu tư vào một Tổ chức tín dụng và ghi nhận khoản thu nhập số tiền 521.424 triệu đồng.

+ Năm 2019, Eximbank đẩy mạnh hoạt động xử lý nợ xấu, tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng. Do đó, chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (không bao gồm chi phí dự phòng rủi ro trích lập cho trái phiếu đặc biệt VAMC) năm 2019 giảm 86.906 triệu đồng so với năm 2018.

## 2. Đối với báo cáo tài chính Hợp nhất Ngân hàng

### 2.1. Các chỉ tiêu chính trên Bảng cân đối kế toán

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2019 là 167.538.318 triệu đồng, tăng 14.886.255 triệu đồng (tỷ lệ tăng 9,75%) so với thời điểm 31/12/2018.

- Tổng số dư tiền gửi khách hàng tại thời điểm 31/12/2019 là 139.278.464 triệu đồng, tăng 20.584.595 triệu đồng (tỷ lệ tăng 17,34%) so với thời điểm 31/12/2018.

- Tổng dư nợ cho vay tại thời điểm 31/12/2019 là 113.254.792 triệu đồng, tăng 9.212.215 triệu đồng (tỷ lệ tăng 8,85%) so với thời điểm 31/12/2018.

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31/12/2019 là 1,71%, giảm 0,14% so với thời điểm 31/12/2018.

**2.2.** Lợi nhuận sau thuế năm 2019 của Ngân hàng và công ty con là 866.132 triệu đồng, tăng 205.542 triệu đồng (tỷ lệ tăng 31,11%). Lợi nhuận trước thuế năm 2019 của Ngân hàng và công ty con là 1.095.249 triệu đồng, tăng 268.121 triệu đồng (tỷ lệ tăng 32,42%). Trong đó, các khoản thu nhập trong năm đều tăng trưởng tốt, cụ thể:

ĐVT: triệu đồng

| Chỉ tiêu                                                          | Năm 2019  | Năm 2018  | Tăng (+)/ Giảm (-) |         |
|-------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|--------------------|---------|
|                                                                   |           |           | Triệu đồng         | %       |
| Thu nhập lãi thuần                                                | 3.220.366 | 3.206.895 | 13.471             | 0,42    |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ                                    | 383.536   | 346.658   | 36.878             | 10,64   |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối                       | 364.541   | 269.073   | 95.468             | 35,48   |
| Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư và Thu nhập góp vốn mua cổ phần | 233.717   | 403.382   | (169.665)          | (42,06) |
| Lãi thuần từ hoạt động khác                                       | 284.128   | 225.570   | 58.558             | 25,96   |
| Chi phí hoạt động                                                 | 2.700.748 | 2.900.904 | (200.156)          | (6,90)  |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng                                  | 690.291   | 723.546   | (33.255)           | (4,60)  |
| Tổng lợi nhuận trước thuế                                         | 1.095.249 | 827.128   | 268.121            | 32,42   |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN                                           | 866.132   | 660.590   | 205.542            | 31,11   |

Nguyên nhân tương tự Báo cáo tài chính Riêng Ngân hàng.

Trân trọng.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ông TGD (để b/c)
- Lưu. KTTC.



**NGUYỄN HỒ HOÀNG VŨ**